

Bản án số: 18/2021/HS-PT
Ngày 20 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Dũng

Các Thẩm phán:

Ông Trần Việt Trung

Bà Đoàn Thị Kim Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 24/2021/TLPT-HS ngày 12 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo Lê Ngọc B, Lê Minh H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2021/HS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Các Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Ngọc B (tên gọi khác: B), sinh ngày 06 tháng 5 năm 1979, tại: Quảng Trị ; Nơi cư trú: Khu phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 7/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông: Lê Ngọc Th, sinh năm 1942 (đã chết), con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1943, hiện trú tại: Khu phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; gia đình có 06 người con, bị cáo là con út; vợ: Lê Thị Kim C, sinh năm 1980 (đã ly hôn), con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2005; cùng trú tại: Khu phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/7/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Minh H** (tên gọi khác: Đ), sinh ngày 16 tháng 11 năm 1985, tại: Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 11/12; nghề nghiệp: Lái xe; Con ông: Lê Th, sinh năm 1964 và bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1965, hiện đang trú tại: Khu phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; gia đình có 03 người, bị cáo là con đầu; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Có 03 tiền án, cụ thể như sau:

- Tại Bản án số 07/2011-HSST ngày 12/01/2011, đã bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt 36 tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

- Tại Bản án số 51/2014-HSST ngày 29/5/2014, đã bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 30 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Tại Bản án số 18/2017/HS-ST ngày 11/5/2017, đã bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 30 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 27/02/2007 bị Công an phường B, thị xã (nay là thành phố) Đ xử phạt 100.000 đồng về hành vi "*Dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản người khác*";

- Ngày 15/6/2007 bị Chủ tịch UBND phường B, thị xã (nay là thành phố) Đ ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường trong thời hạn 06 tháng;

- Ngày 15/4/2008 bị Công an phường B, thị xã (nay là thành phố) Đ xử phạt bằng hình thức cảnh cáo về hành vi "*Xâm hại sức khỏe người khác*";

- Tại bản án số 54/2008/HS-ST ngày 15/8/2008, đã bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Đ xử phạt 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*"; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 28/11/2020, Lê Ngọc B nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản nên chuẩn bị 01 thanh sắt đã mài dẹt một đầu để làm công cụ rồi rủ Lê Minh H cùng nhau trộm cắp tài sản. H đồng ý nên cả hai đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà số 29 T, khu phố C, phường B, thành phố Đ thì thấy có 01 chiếc xe mô tô hiệu AMA, màu nâu Biển kiểm soát 74F3 – 4867 của ông Nguyễn S (trú tại khu phố C, phường B, thành phố Đ) đang dựng trên vỉa hè

không có người trông coi. Lúc này H đứng cảnh giới còn B đi đến gần chiếc xe mô tô, dùng thanh sắt chuẩn bị sẵn để mở ổ khóa điện rồi điều khiển xe chở H đến nhà anh Trần Văn H tại kiệt 82 đường N (thuộc khu phố D, phường B, thành phố Đ) để bán chiếc xe trên cho anh H với giá 2.000.000 đồng, anh H trả trước 400.000 đồng và nợ lại số tiền 1.600.000 đồng. Quá trình điều khiển xe đến nhà anh H, B đã vứt thanh sắt nhưng không nhớ rõ vị trí nào. B và H chia nhau mỗi người 200.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân hết. Sau khi biết xe mô tô mình mua do trộm cắp mà có, anh H đã giao nộp lại tài sản cho Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 128/KLĐGTS ngày 25/12/2020 của Hội đồng ĐGTS trong TTHS thành phố Đ kết luận: Trị giá của chiếc xe mô tô trên tại thời điểm bị chiếm đoạt là 3.000.000 đồng.

Bản án số 63/2021/HS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Ngọc B 08 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Minh H 27 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Ngoài ra tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/6/2021, bị cáo Lê Minh H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, cha mẹ đau ốm thường xuyên.

Ngày 23/6/2021, bị cáo Lê Ngọc B kháng cáo với nội dung: xin được hưởng án treo; lý do: Bị cáo ăn năn hối cải, nhà bị cáo gặp hỏa hoạn thiêu cháy mọi đồ dùng, vật dụng nên cuộc sống rất khó khăn; bị cáo nuôi 3 con nhỏ do vợ bị cáo đã ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự bác kháng cáo của các bị cáo Lê Ngọc B, Lê Minh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 63/2021/HS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc B, Lê Minh H phù hợp với các Điều 331,

333 của Bộ luật tố tụng hình sự về chủ thể kháng cáo và thời hạn kháng cáo.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Ngọc B, Lê Minh H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình: Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại, khoảng 02 giờ 30 ngày 28/11/2020, bị cáo Lê Ngọc B rủ Lê Minh H cùng lén lút thực hiện hành vi trộm cắp của ông Nguyễn S, trú tại khu phố 5, phường 5, thành phố Đ là 01 chiếc xe mô tô hiệu AMA, màu nâu Biển kiểm soát 74F3 - 4867. Theo kết luận số 128/KLĐGTS ngày 25/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ trị giá tài sản là 3.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo B, H thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lê Minh H đang có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội và đã bị áp dụng tình tiết định khung "tái phạm nguy hiểm". Nay bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt bị cáo Lê Ngọc B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo Lê Minh H về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết tăng nặng định khung "tái phạm nguy hiểm" được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc B, Lê Minh H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết pháp luật, nhưng vì mục đích muốn có tiền để phục vụ nhu cầu cá nhân nên đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Trong vụ án này, bị cáo Lê Ngọc B là người khởi xướng, rủ rê, đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nên cấp sơ thẩm đánh giá vai trò, tính chất hành vi thực hiện và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: "thành khẩn khai báo" theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và "gia đình có hoàn cảnh khó khăn" theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Lê Ngọc B 8 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" là tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì mới; mặt khác bị cáo phạm tội với vai trò chính, là người chuẩn bị công cụ, khởi xướng, rủ rê, lại có nhân thân xấu. Do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Lê Minh H: Mặc dù bị cáo giữ vai trò thứ yếu, chỉ đứng ngoài cảnh giới. Bị cáo có 03 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", lần này bị xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 nhưng chỉ có một tình tiết giảm nhẹ "thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo

trên mức khởi điểm của khung hình phạt là đúng với tính chất, hành vi mà bị cáo thực hiện. Tại phiên tòa bị cáo nêu ra các lý do xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, đúng quy định.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc B, Lê Minh H không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Ra quyết định bắt, tạm giam bị cáo Lê Ngọc B, bị cáo Lê Minh H tại phiên tòa để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc B và bị cáo Lê Minh H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Ngọc B (tên gọi khác: B): 08 (tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án 20/8/2021.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Minh H (tên gọi khác: Đ): 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án 20/8/2021.

3. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Ngọc B, bị cáo Lê Minh H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an Tp. Đ;
- VKSND Tp. Đ;
- TAND Tp. Đ;
- Chi cục THADS Tp. Đ;
- Bị cáo;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Anh Dũng